

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/HSST**  
Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Điều Khuê

2/ Ông Trần Đức Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2021/ HSST ngày 25 tháng 8 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

**Trần Ngọc Th**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T và bà Vũ Thị Thanh Th; Vợ là Phạm Thị Thu H và 01 người con sinh năm 2020;

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 (Ngày 10/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng về Tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 26/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/02/2018. Tính đến ngày phạm tội trộm cắp tài sản ngày 10/5/2021, bị cáo chưa được xóa án tích vì đóng án phí vào ngày 22/6/2021)

Về nhân thân: Ngày 13/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng về Tội cướp giật tài sản, theo bản án số 17/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/01/2014.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 cho đến nay. *(có mặt tại phiên tòa)*

- *Bị hại:* Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1988 *(có mặt tại phiên tòa)*

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/5/2021, Trần Ngọc Th đến chơi nhà chị Trần Thị Thanh Th ở thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khi đến nơi, Trần Ngọc Th đi bộ ra quán tạp hóa gần đó để đi mua nước và thuốc lá hút. Trần Ngọc Th Thấy thấy cổng nhà chị Lưu Thị Đ không đóng, có 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 93L1-479.49 (xe không có chìa khóa) đang dựng trước hiên nhà, nên Trần Ngọc Th đi vào dắt xe ra ngoài đường khởi động máy, điều khiển xe chạy tới địa bàn xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) với số tiền 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Ngày 22/6/2021, Trần Ngọc Th đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐG ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 93L1-479.49 tại thời điểm phạm tội (ngày 10/5/2021) có giá trị: 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng)

Tại Cáo trạng số 76/CT – VKS.BĐ ngày 24/8/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Ngọc Th về Tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định khung hình phạt trong Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Ngọc Th chưa phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Th phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi

bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc Th từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo Trần Ngọc Th thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại chị Lưu Thị Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 17.000.000đ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 10/5/2021, Trần Ngọc Th lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 93L1- 479.49 có giá trị 17.000.000 đồng của chị Lưu Thị Đ ở thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi trộm được xe, Trần Ngọc Th chạy tới địa bàn xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) với số tiền 3.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Ngọc Th đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản, quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*

Theo nội dung Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 24/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Ngọc Th về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần Quyết định truy tố đã thực hiện đúng quy định tại Điều 325 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng về Tội cướp giật tài sản không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét sự đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, phù hợp với nhân thân của bị cáo và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 93L1-479.49 không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại chị Lưu Thị Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 17.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc Th đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Trần Ngọc Th và người bị hại chị Lưu Thị Đ.

[8] Đối với người đàn ông mua xe do Trần Ngọc Th trộm cắp mà có, do không xác định được nhân thân, lý lịch, nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Th phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Th 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/6/2021

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường như sau: Bị cáo Trần Ngọc Th bồi thường thiệt hại cho chị Lưu Thị Đ với số tiền 17.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Ngọc Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Trần Thị Phương Hạnh**